

Trung học phổ thông Segerstrom

2020-21 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường



Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

Tổng quan

Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo dục California (California Department of Education – CDE) tại www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/

Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem trang Web về LCFF của CDE tại www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/

Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại dq.cde.ca.gov/dataquest/ có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. trang Web Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California (Bảng Thông Tin) www.caschooldashboard.org/ chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học viên. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2021 – 2022

Tên Trường	Trung học phổ thông Segerstrom
Đường	2301 West MacArthur Blvd.
Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip	Santa Ana, CA 92704
Số điện thoại	(714) 241-5000
Hiệu trưởng	David Casper
Địa chỉ Email	David.Casper@sausd.us
Website Trường	www.sausd.us/segerstrom
Mã Học khu của Quận (CDS)	30-66670-0108365

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2021 – 2022

Tên Học khu	Học khu Thống nhất Santa Ana
Số điện thoại	714-558-5501
Giám đốc	Jerry Almendarez
Địa chỉ Email	jerry.almendarez@sausd.us
Website Học khu	www.sausd.us

Tổng quan trường học năm học 2021 – 2022

Trường trung học phổ thông Segerstrom (Segerstrom) là trường dạy theo chương trình đại trà, có triết lý và kỳ vọng riêng. Học sinh Segerstrom nhập học vào trường theo dạng trường tự chọn và trường lân cận. Ưu tiên tuyển học sinh cư trú trong phạm vi ranh giới của trường. Số lượng còn lại được tuyển thông qua hệ thống quay số của học khu. Tất cả phụ huynh, học sinh và nhân viên phải ký một bản thỏa thuận và tuân thủ các thỏa thuận trong việc hoàn thành nhiệm vụ, duy trì thói quen đi học đều và tuân thủ các chính sách khác nhau của trường. Là trường trung học phổ thông đại trà, Segerstrom cung cấp chương trình giảng dạy toàn diện, theo quy chuẩn, đặt kỳ vọng và trách nhiệm cao đối với tất cả các em học sinh. Điểm nhấn chính là chương trình có cấu trúc chặt chẽ về kỹ năng nền tảng học tập cơ bản, kết hợp nhấn mạnh trau dồi kỹ năng học tập và tổ chức. Nhà trường giúp học sinh thấm nhuần ý thức trách nhiệm, lòng yêu nước, cách nhìn nhận tích cực về bản thân và tự hào về thành tựu đạt được. Chú trọng khả năng sử dụng ngôn ngữ, học sinh được rèn luyện để trở thành những người tự tin trong giao tiếp, yêu thích việc học và là những công dân ưu tú (SLO). Đội ngũ nhân viên của trường cam kết tạo ra môi trường văn hóa xem đạt thành tích xuất sắc trong học tập là trách nhiệm của học sinh, khích lệ để đảm bảo mỗi học sinh đều đáp ứng hoặc vượt qua các yêu cầu tuyển sinh đầu vào cho bậc đại học bốn năm. Để thực hiện cam kết này, chúng tôi thực hiện nhiều biện pháp can thiệp và có các hệ thống hỗ trợ trong toàn trường. Điều này được thể hiện thông qua sự đan xen trong các giờ học của môn toán và các khóa học ELA, cũng như sau giờ học trong chương trình sau giờ học có tên là After School Jags (ASJ) của chúng tôi. Giáo viên phối hợp với các nhóm học tập nâng cao trình độ chuyên môn để liên tục cải tiến phương pháp giảng dạy thực tế cũng như phát triển các nhóm học tập nhỏ hơn để các em nhận được sự quan tâm chú ý riêng cho từng em. Segerstrom đã phát triển một phòng Home Room/ Seminar để khuyến khích học sinh học tập. Bốn thành phần của Home Room bao gồm Jaguar Spirit, Jaguar Culture, Student Support và Jaguar connections.

Tầm nhìn chiến lược:

Tạo ra một cộng đồng phối hợp giữa nhân viên, phụ huynh và học sinh trong kỷ nguyên học tập suốt đời.

Tuyên bố Sứ mệnh:

Duy trì một môi trường vừa có tính thách thức vừa hỗ trợ nhiệt tình, cho phép học sinh phát triển những kỹ năng và chiến lược cần thiết để thành công sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

Giới thiệu về Trường

2021-22 Học sinh Ghi danh theo Cấp lớp

Cấp lớp	Số Học sinh
Lớp 9	735
Lớp 10	598
Lớp 11	639
Lớp 12	541
Tổng Ghi danh	2,513

2020-21 Học sinh Ghi danh theo Nhóm Học sinh

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	50.1
Nam	49.9
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.2
Người gốc Châu Á	6.1
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	0.4
Người Phi Luật Tân	0.8
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	90.3
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	0.3
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	0.7
Người Da trắng	1.3
Sinh viên nói tiếng anh	10.5
Những đứa con nuôi	0.3
Vô gia cư	7.8
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	76
Học sinh khuyết tật	6.8

A. Điều kiện Học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

Giám sát: For more information refer to the Updated Teacher Equity Definitions web page at <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2019 – 2020

Ủy quyền/bổ nhiệm	2019-20
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ	
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	
Không xác định	
Tổng số vị trí giảng dạy	

Giám sát: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/bổ nhiệm	2019-20
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	
Bổ nhiệm sai	
Các vị trí còn trống	
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai	

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo

Chỉ báo	2019-20
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận miễn trừ	
Tùy chọn phân công nội bộ	
Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn	

Phân công lớp học năm học 2019 – 2020

Chỉ báo	2019-20
Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	

2021-22 Chất Lượng, Tình Trạng Cập Nhật, Tình Trạng Sẵn Có Của Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy

Toàn bộ sách giáo khoa sử dụng trong các chương trình giảng dạy chính trên toàn Học khu Thống nhất Santa Ana đều tuân thủ các Khung chương trình và Tiêu chuẩn nội dung của California. Tài liệu giảng dạy cho các lớp K-8 được lựa chọn từ danh mục tài liệu dựa trên tiêu chuẩn của tiểu bang và được Hội đồng Giáo dục Tiểu bang thông qua. Tài liệu giảng dạy cho lớp 9-12 là tài liệu dựa trên tiêu chuẩn và đã được Hội đồng Ủy thác của học khu phê chuẩn. Vào ngày 14 tháng 9 năm 2021, Hội đồng Ủy thác của Học khu Thống nhất Santa Ana đã tổ chức một phiên tham vấn công khai để chứng nhận phạm vi cung cấp sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy cho học sinh. Hội đồng Ủy thác đã thông qua Nghị quyết Số 20/21-3370 chứng nhận theo yêu cầu của Bộ luật Giáo dục §60119 rằng trong năm học 2021-2022, Học khu Thống nhất Santa Ana đã cung cấp đủ sách giáo khoa hoặc tài liệu giảng dạy, hoặc cả hai, phù hợp với nội dung và các chu kỳ của khung chương trình giảng dạy mà Hội đồng Tiểu bang đã thông qua, cho mỗi học sinh bao gồm cả những học sinh đã đăng ký khóa học về ngoại ngữ hoặc sức khỏe, và rằng tất cả học sinh từ lớp 9-12 đều được sử dụng đầy đủ thiết bị thí nghiệm khoa học dành cho các khóa học cần sử dụng phòng thí nghiệm khoa học.

Tháng, năm thu thập dữ liệu

Ngày 14 tháng 9 năm 2021

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
---------	--	----------------------------	--

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Nhân viên trông giữ trường và bộ phận bảo trì của học khu phối hợp cùng nhau để đảm bảo các lớp học và sân chơi trong khuôn viên luôn được bảo quản tốt, an toàn và hữu dụng cho cả học sinh, nhân viên và khách ghé thăm. Bộ phận Bảo Trì và Điều Hành (M&O) sử dụng một hệ thống giao việc điện tử cho phép nhân viên nhà trường thông báo các nhu cầu bảo trì ngoài dự kiến, yêu cầu sửa chữa khẩn cấp hoặc các dự án đặc biệt. Hầu hết các dự án sửa chữa và bảo trì của trường đều được thực hiện bởi các chuyên gia có trình độ cao và chuyên nghiệp của học khu. Người trông giữ trường hoặc nhân viên bảo trì của học khu sẽ xử lý những tình huống khẩn cấp ngay lập tức, dựa trên bản chất của tình huống. Người trông giữ ca ngày và ca đêm sẽ phối hợp làm việc chặt chẽ với nhau và với hiệu trưởng để thực hiện nhiệm vụ bảo trì, trông giữ hàng ngày cũng như để chuẩn bị cho các sự kiện đặc biệt. Hiệu trưởng và người trông giữ ca ngày sẽ trao đổi hàng ngày về nhu cầu vệ sinh và các mối lo ngại về an toàn trong khuôn viên trường. Mỗi buổi sáng trước khi bắt đầu giờ học, người trông giữ, hiệu trưởng và trợ lý hiệu trưởng sẽ kiểm tra an toàn, hình vẽ graffiti và những điều kiện khác tại các cơ sở trong trường mà cần được xử lý trước khi học sinh và nhân viên đến trường. An toàn và vệ sinh trường học là ưu tiên cao nhất của người trông giữ và cũng là nhiệm vụ trọng tâm hàng ngày của họ. Quản trị viên của M&O có trách nhiệm đào tạo người trông giữ về các quy trình vệ sinh phù hợp, cách sử dụng hóa chất và trang thiết bị. Người trông giữ ca ngày có trách nhiệm tuân theo một bộ tiêu chuẩn vệ sinh và quy trình ưu tiên có sẵn đối với công tác bảo trì khuôn viên nói chung. Người trông giữ ca ngày sẽ kiểm tra các phòng vệ sinh hai lần/ngày để đảm bảo rằng khu vực này luôn đầy đủ đồ dùng, an toàn và vệ sinh. Người trông giữ ca đêm có trách nhiệm vệ sinh toàn bộ các lớp học, khu vực văn phòng và nhà vệ sinh. Văn phòng học khu sẽ cử người trông giữ sân trường để thực hiện công tác bảo trì chung cho cảnh quan, sân vườn, sân thể thao và hệ thống tưới tiêu.

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

Ngày 25 tháng 6 năm 2021

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tỷ lệ Tốt	Tỷ lệ Bình thường	Tỷ lệ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
Hệ thống: Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cống rãnh	X			
Bên trong: Các Bề Mặt Bên trong	X			
Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Điện	X			
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			
Bảo vệ: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa SỔ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			

Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể

Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
X			

B. Các Kết Quả Của Học Sinh: Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).

Báo cáo SARC trong năm học 2020 – 2021

Trong trường hợp có lựa chọn khả thi nhất, LEA phải thực hiện bài đánh giá tổng kết toàn tiểu bang cho môn ELA và Toán. Trong trường hợp đánh giá tổng kết trên toàn tiểu bang không phải là lựa chọn khả thi nhất cho LEA (hoặc cho một hoặc nhiều cấp lớp trong LEA) do tình hình dịch bệnh, LEA được phép báo cáo kết quả từ một kỳ thi đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí do Ủy ban Giáo dục Tiểu bang (SBE) thiết lập vào ngày 16 tháng 3 năm 2021. Các kỳ thi đánh giá phải:

- Phù hợp với Tiêu chuẩn cốt lõi chung của bang California cho môn ELA và Toán;
- Dành cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11; và
- Được quản lý thống nhất trên một cấp lớp, khoảng lớp, trường học hoặc khu học chánh đối với tất cả các học sinh đủ điều kiện.

Tùy chọn

Lưu ý rằng các kỳ thi đánh giá thay thế của bang California (CAA) chỉ có thể được thực hiện trực tiếp tuân theo các yêu cầu về sức khỏe và an toàn. Nếu LEA không thể thực hiện CAA trực tiếp với các hướng dẫn về sức khỏe và an toàn tại địa điểm thi, LEA được phép không thực hiện các bài kiểm tra. Không có tùy chọn đánh giá nào khác cho CAA. Các trường thực hiện bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn cho môn ELA và Toán, các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE hoặc kết hợp cả hai, và chỉ có thể chọn một trong những tùy chọn sau:

- Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán;
- Các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE; hoặc
- Kết hợp cả bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán và các bài đánh giá khác.

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Các ô dữ liệu năm học 2019 – 2020 có giá trị N/A thể hiện rằng các dữ liệu này không khả dụng do đại dịch COVID-19 dẫn đến việc tạm dừng bài kiểm tra tổng kết. Sắc lệnh N-30-20 được ban hành đã miễn trừ các yêu cầu đánh giá, trách nhiệm và báo cáo đối với năm học 2019 – 2020.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/A vì những dữ liệu này không thể so sánh với dữ liệu năm khác do đại dịch COVID-19 trong suốt năm học 2020 – 2021. Trong trường hợp các kỳ thi CAASPP môn ELA và/hoặc Toán không phải là tùy chọn khả thi nhất, LEA được phép thực hiện các kỳ thi đánh giá nội bộ. Dữ liệu năm học 2020 – 2021 trong dữ liệu các năm của trường, học khu và tiểu bang không phải không thích hợp để so sánh. Do đó việc so sánh kết quả của năm học 2020 – 2021 với các năm học khác là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Trường 2020-21	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21
Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Toán (lớp 3-8 và lớp 11)	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A

2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị "NT" vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	612	583	95.26	4.74	55.27
Nữ	290	280	96.55	3.45	62.95
Nam	322	303	94.1	5.9	48.17
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	39	37	94.87	5.13	75.68
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	551	525	95.28	4.72	53.17
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	37	37	100	0	8.11
Những đứa con nuôi	0	0	0	0	0
Vô gia cư	92	88	95.65	4.35	48.84
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	454	432	95.15	4.85	54.31
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	37	31	83.78	16.22	12.9

2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Môn Toán theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị "NT" vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	612	595	97.22	2.78	35.30
Nữ	290	282	97.24	2.76	36.30
Nam	322	313	97.20	2.80	34.41
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	39	37	94.87	5.13	67.57
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	551	536	97.28	2.72	33.02
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	37	37	100.00	0.00	0.00
Những đứa con nuôi	0	0	0	0	0
Vô gia cư	92	88	95.65	4.35	25.00
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	454	439	96.70	3.30	34.25
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	37	31	83.78	16.22	9.68

Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021 ()

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Nữ	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Nam	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Người gốc Châu Á	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Người Phi Luật Tân	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Người Da trắng	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Sinh viên nói tiếng anh	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Những đứa con nuôi					
Vô gia cư	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Quốc phòng					
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Học sinh khuyết tật	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A

*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.

Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021 ()

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Nữ	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Nam	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Người gốc Châu Á	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Người Phi Luật Tân	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Người Da trắng	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Sinh viên nói tiếng anh	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Những đứa con nuôi					
Vô gia cư	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Quốc phòng					
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Học sinh khuyết tật	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A

*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Các ô dữ liệu năm học 2019 – 2020 có giá trị N/A thể hiện rằng các dữ liệu đó không có sẵn do đại dịch COVID-19 dẫn đến việc trì hoãn bài kiểm tra định kỳ. Sắc lệnh N-30-20 được ban hành đã miễn trừ các yêu cầu đánh giá, trách nhiệm và báo cáo đối với năm học 2019 – 2020.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Môn học	Trường 2019-20	Trường 2020-21	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21
Khoa học (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	Không có thông tin	26.32	N/A	16.34	N/A	28.72

2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Các ô dữ liệu có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	1150	578	50.26	49.74	26.32
Nữ	572	275	48.08	51.92	23.81
Nam	578	303	52.42	47.58	28.62
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	80	37	46.25	53.75	59.46
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	14	7	50.00	50.00	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	1026	520	50.68	49.32	23.59
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	12	6	50.00	50.00	--
Sinh viên nói tiếng anh	54	37	68.52	31.48	0.00
Những đứa con nuôi	0	0	0	0	0
Vô gia cư	136	84	61.76	38.24	21.43
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	840	428	50.95	49.05	23.28
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	77	31	40.26	59.74	3.23

2020-21 Chương Trình Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề Nghiệp

Chương trình Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề nghiệp (CTE) của SAUSD cung cấp các khóa học hiện đại, yêu cầu cao, và phù hợp để chuẩn bị sẵn sàng cho học sinh trung học vào đại học cũng như theo học nghề. Để đạt được mục tiêu này, học sinh có cơ hội tham gia vào chuỗi các khóa học CTE tích hợp mang tên Định hướng Nghề nghiệp CTE, tập trung vào một chương trình học tập nghề nghiệp cụ thể theo ngành trong vòng 2 đến 4 năm. SAUSD đã tiếp tục mở rộng các khóa học CTE của mình về những nghề nghiệp có lương cao, kỹ năng cao, và nhu cầu cao trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEAM). Các cuộc thi CTE cấp tiểu bang, quốc gia khu vực xây dựng những kỹ năng về ngành và tinh thần lãnh đạo thông qua các tổ chức CTE cho học sinh. Chúng tôi tiếp tục tập trung vào việc bổ sung các chứng chỉ ngành phù hợp và các cơ hội làm việc với các doanh nghiệp trong cộng đồng của chúng ta thông qua chương trình thực tập, chuyển đi thực tế và cơ hội thuyết trình.

Các khóa học CTE tại Santa Ana kết hợp những đòi hỏi khắt khe về học tập với sự tương quan về công việc trong thế giới thực. Các khóa học được điều chỉnh theo cả tiêu chuẩn học thuật và Tiêu chuẩn Tiểu bang California CTE. Các khóa học CTE cũng đáp ứng những yêu cầu đầu vào "A-G" của hệ thống University of California (UC - Đại học California) và California State University (CSU - Đại học Tiểu bang California). Ngoài ra, nhiều khóa học CTE dành cho trường trung học của chúng tôi cũng cung cấp tín chỉ chuyển tiếp hoặc ghi danh kép với các trường đại học địa phương để học sinh có thể nhận được cả tín chỉ trung học và đại học.

2020-21 Tham gia Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề Nghiệp (CTE)

Tiêu chuẩn Đo lường	Tham gia Chương trình Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp (CTE)
Số Học Sinh Tham Gia CTE	648
Phần trăm học sinh hoàn tất một Chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	22.7
Phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học cơ sở	63.6

Ghi danh khóa học/hoàn thành

Bảng này cho biết việc ghi danh khóa học/hoàn thành các yêu cầu nhập học của Đại học California (UC) và/hoặc Đại học Bang California (CSU).

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần trăm
Các Học sinh Năm học 2020-2021 Ghi danh vào Các Khóa học Bắt buộc để	99.68
2019-2020 Các Học sinh Tốt nghiệp Năm học 2019-2020 Đã Hoàn thành Tất cả Các Khóa học Bắt buộc để Vào UC/CSU	50.57

B. Các Kết Quả Của Học Sinh: Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

2020-21 Kết Quả Kiểm Tra Sức Khỏe Thân Thể California

Do đại dịch COVID-19, bài Kiểm tra thể chất cho năm học 2020 – 2021 đã bị tạm dừng, do đó, không có dữ liệu nào được báo cáo và mỗi ô trong bảng này được điền giá trị “N/A”.

Cấp lớp	Phần trăm học sinh đạt Bốn trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Phần trăm học sinh đạt Năm trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Phần trăm học sinh đạt Sáu trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe
Lớp 5	N/A	N/A	N/A
Lớp 7	N/A	N/A	N/A
Lớp 9	N/A	N/A	N/A

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

2021-22 Cơ Hội Tham Gia cho Phụ Huynh

Phụ huynh được khuyến khích tham gia vào cộng đồng học tập của trường Trung học phổ thông Segerstrom bằng cách tự nguyện dành thời gian, tham gia các sự kiện của nhà trường, hoặc chia sẻ quá trình ra quyết định. Mời phụ huynh học sinh đi cùng trong các chuyến đi thực tế cũng như hỗ trợ trong các sự kiện đặc biệt.

Trường Trung học phổ thông Segerstrom tạo nhiều cơ hội để phụ huynh học sinh tương tác với nhân viên nhà trường khi hỗ trợ nỗ lực học hành của con cái họ; những cơ hội này có thể bao gồm:

- Đêm Tụ Trường/Áo
- Mời Phụ Huynh Dự Giờ
- Chương trình biểu diễn của học sinh như âm nhạc, hợp xướng và/hoặc kịch nghệ
- Các chương trình gây quỹ
- Đêm đại học/Áo
- Các sự kiện thể thao
- Các hoạt động tốt nghiệp
- Trung tâm thể chất– Gặp gỡ và Sự kiện với Phụ huynh
- Chương trình ghi nhận thành tích của học sinh
- Đêm Parent Technology (Phụ huynh với Công nghệ)
- Đêm College Late Nights/FAFSA
- Cafecitos (cà phê trò chuyện)
- Disciplina Positiva parenting classes
- Hội thảo hỗ trợ tài chính và ứng tuyển đại học
- After School Jags'---mang đến cho phụ huynh cơ hội tham gia buổi đào tạo về công nghệ cùng nhiều hoạt động khác.
- Các cuộc họp phụ huynh về LCAP
- School Climate Committee Meetings
- Ngày hội chọn trường trên toàn học khu
- Đêm thông tin cho phụ huynh của học sinh lớp 8
- Các cuộc gặp tư vấn riêng/Áo
- Các cuộc họp Booster/Áo
- GATE parent nights/Áo
- Hội đồng Khu Trường học/Áo
- Hội đồng Tư vấn Anh Ngữ/Áo
- Tổ chức Phụ huynh-Giáo viên-Học sinh (PTSO)
- Các nhóm trọng tâm WASC
- ChASC trrSC khảo ssá Bright-Bytes – Tooi cảnh
- Chnhgh trrhg khảo ssá Healthy Schools
- Họp phụ huynh ảo

Những phụ huynh học sinh muốn có thêm thông tin về việc trở thành thành viên tích cực trong cộng đồng nhà trường có thể liên hệ với hiệu trưởng hoặc trợ lý hiệu trưởng theo số (714) 241-5000.

Việc trao đổi thông tin giữa nhà trường và gia đình được thực hiện bằng cả tiếng Anh lẫn tiếng Tây Ban Nha. Ngoài ra, hệ thống điện thoại tự động Blackboard còn gửi riêng tin nhắn dưới dạng email và tin nhắn thoại cho phụ huynh học sinh bằng một vài ngôn ngữ. Blackboard cũng có thể cho phép phụ huynh học sinh trả lời tin nhắn qua thư thoại hoặc email. Thông qua việc trao đổi định kỳ và công bố đặc biệt, nhà trường thông báo cho phụ huynh học sinh về tin tức của nhà trường, các hoạt động của học sinh, lịch trình, thay đổi chính sách, và cập nhật chương trình giảng dạy tại lớp học. Để thực hiện được hình thức giao tiếp này, Segerstrom sử dụng các phương tiện dưới đây:

- Trang web của nhà trường
- Hệ thống gửi tin nhắn ParentSquare
- Mạng xã hội: Facebook/Twitter/Instagram
- Kênh dịch vụ công 31 hoặc 51
- Thư tin tức của nhà trường và/hoặc lớp
- Peachjar để phân phát từ rơi điện tử
- Thư
- Biểu ngữ của trường
- Định hướng học sinh mới
- Email nhà trường

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ bỏ học trung học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trường 2018-19	Trường 2019-20	Trường 2020-21	Học khu 2018-19	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2018-19	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21
Tỷ Lệ Bỏ Học	1.1	0.3	0.0	5.3	2.6	4.7	9.0	8.9	9.4
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp	98.5	99.2	98.5	88.8	91.4	88.4	84.5	84.2	83.6

Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

Nhóm Học sinh	Số học sinh trong niên khóa	Số học sinh tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa
Bất kỳ học sinh	542	534	98.5
Nữ	284	277	97.5
Nam	258	257	99.6
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--
Người gốc Châu Á	42	41	97.6
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--
Người Phi Luật Tân	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	478	471	98.5
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	41	36	87.8
Những đứa con nuôi	0.0	0.0	0.0
Vô gia cư	27	26	96.3
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	--	--	--
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho	--	--	--
Học sinh khuyết tật	50	43	86.0

Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Bất kỳ học sinh	2532	2520	119	4.7
Nữ	1271	1266	52	4.1
Nam	1261	1254	67	5.3
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	5	5	0	0.0
Người gốc Châu Á	153	153	1	0.7
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	9	9	0	0.0
Người Phi Luật Tân	19	19	0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	2288	2277	115	5.1
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	7	7	1	14.3
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	18	18	1	5.6
Người Da trắng	33	32	1	3.1
Sinh viên nói tiếng anh	269	265	26	9.8
Những đứa con nuôi	8	8	1	12.5
Vô gia cư	200	198	13	6.6
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	1880	1871	103	5.5
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	7	6	0	0.0
Học sinh khuyết tật	175	173	10	5.8

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 6 năm sau, tương ứng với một năm học.

Dữ liệu được thu thập trong năm học 2020 – 2021 sẽ không so sánh được với những năm học trước do sự khác biệt trong phương thức học tập để đối phó với đại dịch COVID-19.

Môn học	Trường 2018-19	Trường 2020-21	Học khu 2018-19	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2018-19	Tiểu bang 2020-21
Đình chỉ	3.85	0.04	3.17	0.02	3.47	0.20
Đuổi học	0.00	0.00	0.04	0.00	0.08	0.00

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 2 năm sau, một phần của năm học do đại dịch COVID-19. Các dữ liệu về tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học không được so sánh với dữ liệu của các năm khác do năm học 2019 – 2020 chỉ diễn ra một phần vì dịch COVID-19. Do đó, việc so sánh tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học trong năm học 2019 – 2020 với các năm trước là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Học khu 2019-20	Tiểu bang 2019-20
Đình chỉ	0.80	2.24	2.45
Đuổi học	0.04	0.04	0.05

Tình trạng đình chỉ và buộc thôi học theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Nhóm Học sinh	Suspensions Rate	Expulsions Rate
Bất kỳ học sinh	0.04	0.00
Nữ	0.00	0.00
Nam	0.08	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	0.00	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0.00	0.00
Người Phi Luật Tân	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0.04	0.00
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	0.00	0.00
Người Da trắng	0.00	0.00
Sinh viên nói tiếng anh	0.00	0.00
Những đứa con nuôi	0.00	0.00
Vô gia cư	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	0.00	0.00
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	0.00	0.00

2021-22 Kế Hoạch An Toàn Trường Học

Từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 8 năm 2021, Kế hoạch An toàn Trường học Toàn diện (CSSP) đã buộc phải tạm dừng do tình trạng đóng cửa trường học vì đại dịch COVID

Nhà trường đã phối hợp cùng cơ quan thi hành pháp và Văn phòng Học khu để xây dựng Kế hoạch An toàn Trường học Toàn diện (CSSP) nhằm thực hiện các yêu cầu của Dự Luật 187. CSSP được quản lý bởi Học khu thông qua hệ thống Theo dõi Tài liệu. Kế hoạch mới nhất của nhà trường đã được rà soát và cập nhật để giải quyết các vấn đề về an toàn, an ninh và sự chuẩn bị cho tình huống khẩn cấp. Nhà trường cần phải rà soát và cập nhật Kế hoạch An toàn Trường học Toàn diện (CSSP) của mình cùng với các Hội đồng Khu Trường học và/hoặc Ủy ban An toàn. Mỗi trường học cũng phải gặp gỡ Phòng cảnh sát Học khu Thống nhất Santa Ana hàng năm để thảo luận về quyền ra/vào, dữ liệu tội phạm và các yếu tố khác liên quan đến Phòng ngừa Tội phạm Thông qua Thiết kế Môi trường (CPTED).

2018-19 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	31	13	7	60
Toán	30	9	31	39
Khoa học	30	6	36	29
Khoa học Xã hội	29	12	25	36

2019-20 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	29	17	18	53
Toán	30	9	24	46
Khoa học	30	5	35	29
Khoa học Xã hội	31	12	11	47

2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bó Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020-21. Cột "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	28	17	30	45
Toán	31	9	16	54
Khoa học	32	5	20	43
Khoa học Xã hội	30	10	20	40

2020-21 Tỷ lệ Cố vấn Học tập trên số học sinh

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Cố vấn Học tập trên số học sinh	502.6

2020-21 Cố Vấn Học Tập và Nhân Viên Hỗ Trợ Khác

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số Học Sinh Trung Bình trên mỗi Cố Vấn Học Tập
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	5
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	1
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	0
Nhà Tâm Lý Học	0
Nhân viên Xã hội	0
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	0
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	0

2019-20 Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh và Lương của Giáo Viên tại Địa Điểm Trường

Bảng này cho biết chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên trung bình năm học 2019 – 2020 của trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	\$7,518.09	\$927.87	\$6,590.22	\$100,447.98
Số Tiền của	N/A	N/A	\$109,175	
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	N/A	N/A	-177.2	6.2
Tiểu bang				
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	N/A	N/A	-16.2	19.0

2020-21 Các Loại Dịch Vụ được Tài Trợ

- 21st Century ASSETS
- Trung tâm Học tập Cộng đồng Thế kỷ 21
- Giáo dục và An toàn Sau giờ học (ASES)
- Chương trình Thí điểm Giảng dạy Kids Code Sau giờ học
- AVID-OCDE Destination Graduation
- Đạo luật Nghề nghiệp Năng lượng Sạch California
- California Partnership Academies
- Chương trình Tác giả Học sinh California
- CalOptima - Chương trình và Dịch vụ Chăm sóc Cơ bản giúp Giải quyết các Yếu tố Xã hội Quyết định Sức khỏe
- Mạng lưới Lãnh đạo CAPP tại SAHS
- Carl D Perkins Mục 131 về Giáo dục Kỹ thuật và Nghề nghiệp
- Circulo
- Tài trợ Khối Phát triển Chuyên nghiệp cho Nhân viên Nhà trường đã Phân loại
- Mạng lưới Cộng tác với các giáo viên giảng dạy từ lớp 3 đến lớp 5 về Tư duy Tính toán cho Học sinh học Tiếng Anh
- Chương trình Phòng chống Bạo lực Học đường của Văn phòng Dịch vụ Cảnh sát Cộng đồng (COPS)
- Quỹ cứu trợ Coronavirus
- CTE Incentive Grant Program
- Education for Homeless Children and Youth
- Quỹ cứu trợ khẩn cấp trường tiểu học và trung học I
- Quỹ cứu trợ khẩn cấp trường tiểu học và trung học II
- Sáng kiến Hứa hẹn của Phụ huynh ePrize
- Tiêu đề IV, Phần A của Đạo luật Giáo dục Tiểu học và Trung học (ESSA), Hỗ trợ Sinh viên và Tài trợ Bồi dưỡng Học tập
- Đạo luật Giáo dục Tiểu học và Trung học: Quỹ tài trợ CSI LEA
- Quỹ cứu trợ Giáo dục Khẩn cấp của Thống đốc
- Head Start
- Cải thiện Lộ trình Chương trình Lực lượng Lao động Nông cốt K12 (từ OCDE)
- Cải thiện Lộ trình Chương trình Lực lượng Lao động Nông cốt K12
- Chương Trình Sẵn Sàng Cho Mẫu Giáo II
- Dự án Lighthouse Academy - Sáng kiến CTE của Thống đốc: CA Partnership Academies
- Xổ số: Tài liệu Giảng dạy
- Tài trợ Khối Học sinh có Thành tích Kém
- Tùy chọn Thanh toán Medi-Cal
- Giáo dục cho người nhập cư

2020-21 Các Loại Dịch Vụ được Tài Trợ

- Trung tâm Oasis Quốc tế (OCI)
- Tổ chức Tài trợ OCDE TUPE
- Kế khai Bảo Trì Liên Tục và Sửa chữa lớn
- Dự luật 98 về Quỹ Giảm thiểu Mất mát trong Học tập
- SB117 COVID-19 Quỹ ứng phó LEA
- Giáo dục đặc biệt
- Tài trợ SUMS (Mở rộng hệ thống hỗ trợ đa tầng)
- Các chương trình bổ sung-Chương trình Trung Học Chuyên Nghiệp (Specialized Secondary)
- Tiêu đề I, Phần A
- Tiêu đề III Chương trình giáo dục cho người nhập cư
- Tiêu đề III Chương trình LEP cho học sinh không thành thạo tiếng Anh

Tiêu đề II-Phần A Cải thiện chất lượng giáo viên

2019-20 Lương Giáo Viên và Nhân Viên Hành Chính

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2019 – 2020. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Số Tiền của Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$59,122	\$50,897
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$90,285	\$78,461
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$114,555	\$104,322
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$145,937	\$131,863
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$140,916	\$137,086
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$163,317	\$151,143
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$350,000	\$297,037
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	34%	32%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	4%	5%

2020-21 Các Khóa Học Nâng Cao (Advanced Placement – AP)

Bảng này cho biết phần trăm học sinh trong các khóa học AP tại trường.

Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP	41.4
--	------

Bảng này cho biết số lượng các khóa học AP được cung cấp tại trường có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp
Khoa Học Máy Tính	0
Tiếng Anh	7
Mỹ thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn	3
Ngoại ngữ	7
Toán	5
Khoa học	8
Khoa học Xã hội	25
Tổng số khóa học AP đã cung cấp	55

Phát triển Chuyên môn

Toàn bộ chương trình giảng dạy và hoạt động cải tiến dạy học tại Segerstrom đều tuân thủ Kế hoạch LCAP và Trường học để nâng cao Thành tích của Học sinh. Các chương trình này bao gồm, nhưng không giới hạn ở:

- Chương trình đào tạo Advanced Placement (Xếp bậc Nâng cao - AP)
- Chương trình đào tạo AVID (Tiền bộ Nhờ Quyết tâm Cá nhân)
- Công nghệ giáo dục thông qua các hội nghị CUE và OCCUE, Ứng dụng của Google cho Giáo dục Đào tạo
- Chương trình đào tạo Nghệ thuật Anh Ngữ thông qua Dự án Viết luận UCI và các hội nghị của Hiệp hội Giáo viên Anh ngữ CA
- ERWC (Expository Reading and Writing Course - Khóa học Đọc và Viết Văn mô tả)
- Phát triển chuyên môn khoa học thông qua hội nghị của Hiệp hội Giáo viên Khoa học Quốc gia (NSTA)
- Chương trình đào tạo phát triển ngôn ngữ thông qua hội nghị của Hiệp hội Nhà giáo Song ngữ CA và OCDE được thiết kế để nâng cao chất lượng học tập cho EL
- Chương trình đào tạo về đánh giá và dữ liệu bao gồm đào tạo về MAP và Aeries
- Chương trình đào tạo về Data Based Questions (Câu hỏi Dựa trên Dữ liệu - DBQ)
- Chương trình đào tạo Công nghệ CTAP (California Technology Assistance Project - Dự án Hỗ trợ Công nghệ California)
- Chương trình đào tạo GATE (Gifted and Talented Education - Giáo dục cho Học sinh Năng khiếu và Tài năng)
- Giáo dục Đặc biệt

Hầu hết các chương trình phát triển chuyên môn đều được tổ chức ngay trong ngày tại trường học. Các chuyên gia thuộc biên chế nhà trường cùng nhiều chuyên gia từ bên ngoài học khu đã đến tham dự nhằm giảng dạy cho học sinh các khóa đào tạo trên. Các chiến lược AVID cũng được giảng dạy một cách toàn diện và là một phần trong quá trình phát triển nghề nghiệp của trường. SAUSD mang tới chương trình phát triển chuyên môn năm ngày một tuần xoay quanh những năng lực cơ bản mà mỗi giáo viên cần có để bắt đầu giảng dạy trong năm học mới. Bao gồm: Google Classroom, Canvas, Phát triển Chương trình Giảng dạy (từng môn học), ParentSquare, SEL, Google Meet và nhiều chương trình phát triển chuyên môn tự chọn khác để làm phong phú bài giảng.

Phát triển Chuyên môn

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2019-20	2020-21	2021-22
Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên	22	15	20

Học khu Thống nhất Santa Ana

Phụ lục Thẻ Báo cáo Trách nhiệm của Địa phương (LARC) Năm Học 2020-21

Phụ lục Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm của Địa Phương (LARC)

Tổng quan về Phụ Lục Báo Cáo Trách nhiệm của Địa Phương (LARC) Năm Học 2020-21



Vào ngày 14 tháng 7 năm 2021, Ủy ban Giáo dục Tiểu bang California (State Board of Education, SBE) xác định rằng Bộ Giáo dục California (CDE) sẽ sử dụng SARC làm cơ chế để tiến hành thu thập dữ liệu một lần về kết quả kiểm tra tổng hợp cấp LEA của tất cả bài đánh giá tại địa phương của trường được thực hiện trong năm học 2020–2021 để đáp ứng yêu cầu báo cáo của Đạo luật Mọi Học sinh Thành công (Every Students Succeeds Act, ESSA) liên bang đối với Thẻ Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Cơ quan Giáo dục Địa phương (LARC).

Mỗi cơ quan giáo dục địa phương (LEA) sẽ chịu trách nhiệm lập và đăng LARC hàng năm của họ theo ESSA liên bang. Theo thường lệ, CDE sẽ thay mặt cho tất cả LEA lập và đăng các LARC.

Chỉ trong năm học 2020–2021 và các LARC 2020–2021, các LEA được yêu cầu báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá tổng hợp tại địa phương của họ ở cấp LEA cho CDE bằng cách điền các bảng bên dưới qua SARC. Những dữ liệu này sẽ được sử dụng để đáp ứng yêu cầu liên bang của LEA đối với LARC của họ. Lưu ý rằng nhà trường và LEA có trách nhiệm đảm bảo rằng tất cả các quy tắc về quyền riêng tư và ngăn chặn dữ liệu của học sinh được áp dụng khi báo cáo dữ liệu trong Bảng 3 và 4 trong Phụ lục theo quy định hiện hành.

Các bảng dưới đây không phải là một phần của mẫu SARC 2020–2021 được SBE phê duyệt mà là cơ chế mà các dữ liệu bắt buộc này sẽ được thu thập từ các LEA.

Nhằm phục vụ mục đích liên quan tới LARC và diễn giải các bảng sau, LEA được định nghĩa là một khu học chánh, một văn phòng giáo dục của quận, hoặc một trường bán công được tài trợ trực tiếp.

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2021 – 2022

Tên Học khu	Học khu Thống nhất Santa Ana
Số điện thoại	714-558-5501
Giám đốc	Jerry Almendarez
Địa chỉ Email	jerry.almendarez@sausd.us
Website Học khu	www.sausd.us

2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị "NT" vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	23610	4503	19.07	80.93	36.57
Nữ	11511	2303	20.01	79.99	40.54
Nam	12094	2200	18.19	81.81	32.43
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	68	17	25.00	75.00	29.41
Người gốc Châu Á	490	164	33.47	66.53	68.94
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	52	11	21.15	78.85	60.00
Người Phi Luật Tân	54	20	37.04	62.96	60.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	22651	4206	18.57	81.43	35.00
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	33	12	36.36	63.64	58.33
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	95	32	33.68	66.32	34.38
Người Da trắng	167	41	24.55	75.45	46.34
Sinh viên nói tiếng anh	8364	978	11.69	88.31	6.09
Những đứa con nuôi	156	14	8.97	91.03	35.71
Vô gia cư	6160	900	14.61	85.39	27.75
Quốc phòng	--	--	--	--	--
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	20695	3719	17.97	82.03	34.95
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	225	38	16.89	83.11	31.43
Học sinh khuyết tật	3468	498	14.36	85.64	8.21

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị “NT” vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	23609	4481	18.98	81.02	22.83
Nữ	11509	2272	19.74	80.26	22.74
Nam	12095	2209	18.26	81.74	22.93
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	68	17	25.00	75.00	29.41
Người gốc Châu Á	490	164	33.47	66.53	61.35
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	52	13	25.00	75.00	23.08
Người Phi Luật Tân	54	20	37.04	62.96	40.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	22650	4182	18.46	81.54	21.10
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	33	11	33.33	66.67	36.36
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	95	32	33.68	66.32	29.03
Người Da trắng	167	42	25.15		21.95
Sinh viên nói tiếng anh	8363	965	11.54	88.46	4.86
Những đứa con nuôi	156	14	8.97	91.03	21.43
Vô gia cư	6158	898	14.58	85.42	16.48
Quốc phòng	--	--	--	--	--
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	20695	3694	17.85	82.15	20.74
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	225	36	16.00	84.00	14.71
Học sinh khuyết tật	3468	480	13.84	86.16	5.42

Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.

Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.